

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐÀKLẮK

Chuyên ngành : Tài chính ngân hàng
Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. Trương Bá Thanh**

Phản biện 1: **PGS.TS. Nguyễn Hòa Nhân**

Phản biện 2: **TS. Lê Đức Niêm**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 01
tháng 03 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Ngày nay, với xu thế toàn cầu hóa, mở cửa hội nhập với các nước trên thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn đối với nước ta trên tất cả mọi lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội... đặc biệt là về kinh tế. Trước bối cảnh đó, các doanh nghiệp trong nước tất yếu phải chịu sự tác động mạnh mẽ của quy luật cạnh tranh. Do đó muốn tồn tại và phát triển, muốn vươn lên thì trước hết đòi hỏi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải có hiệu quả.

Công ty cổ phần Du Lịch Đắk Lắk là một trong những đơn vị hoạt động kinh doanh du lịch đang trên đà phát triển và thực tế trong những năm qua đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Lắk. Với bề dày trên 20 năm hoạt động, chuyên kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch, thêm vào đó đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, phục vụ tận tình, chất lượng dịch vụ được quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 với mục tiêu “Uy tín - chất lượng - hiệu quả”; nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Chính vì những lý do trên nên tôi quyết định chọn đề tài: **“Phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk”** để làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

❖ Tổng hợp các lý luận về phân tích hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp.

❖ Nghiên cứu và đánh giá thực trạng về công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk.

❖ Vận dụng lý luận và thực trạng đã nghiên cứu, thông qua đó đề hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu là công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch ĐăkLăk.

❖ Phạm vi nghiên cứu:

Công ty Cổ phần du lịch ĐăkLăk, số liệu trên báo cáo tài chính trong thời gian 5 năm: 2008 – 2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên số liệu thu thập từ báo cáo tài chính của Công ty cổ phần du lịch ĐăkLăk trong giai đoạn 2008 - 2012, kết hợp với các báo cáo kế toán chi tiết, báo cáo thường niên và các báo cáo quản trị khác, để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn luận văn sử dụng các phương pháp như: Phương pháp chi tiết, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp loại trừ, phương pháp liên hệ. Ngoài ra còn sử dụng phương pháp chuyên gia thông qua việc phỏng vấn trực tiếp giám đốc, kế toán trưởng về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch ĐăkLăk.

Chương 3: Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch ĐăkLăk.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ cho người đọc có cái nhìn tổng quát về việc phân tích hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp.

Thứ hai, phân tích một cách có hệ thống hiệu quả hoạt động, qua đó đã đưa ra một số đánh giá về hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk.

Thứ ba, thực hiện tính toán một số chỉ tiêu hiệu quả và vận dụng các chỉ tiêu vào phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty.

Thứ tư, luận văn đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk.

7. Tổng quan tài liệu

Hiệu quả hoạt động và phân tích hiệu quả hoạt động là vấn đề then chốt, có ý nghĩa cấp bách trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay, vấn đề này không chỉ có vai trò quan trọng đối với nhà lãnh đạo doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với cả những đối tượng bên ngoài quan tâm đến doanh nghiệp. Chính vì vậy, đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu và phân tích thông qua một số giáo trình liên quan đến vấn đề này như: Phân tích báo cáo tài chính - PGS. TS Nguyễn Ngọc Quang (2011), Nhà xuất bản tài chính – Trường Đại học kinh tế quốc dân.; Phân tích hoạt động kinh doanh (Chủ biên: PGS.TS. Phạm Văn Dược, TS Huỳnh Đức Lộc, ThS Lê Thị Minh Tuyết – 2011, Nhà xuất bản lao động); Phân tích báo cáo tài chính và định giá trị doanh nghiệp (Phan Đức Dũng – 2009, Nhà xuất bản thống kê); ...

Ngoài ra, quan tâm đến vấn đề này đã có một số nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sỹ cũng đã nghiên cứu. Trong các nghiên cứu thì các tác giả đã khái quát được thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp, tác giả cũng đã đánh giá được thực trạng và chỉ ra được những nguyên nhân hạn chế trong việc phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động, cụ thể:

Tác giả Trần Thị Hòa với đề tài nghiên cứu: “Phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” – Luận văn thạc sỹ kinh tế - Đại Học Đà Nẵng – Năm 2006. Luận văn đã hệ thống hóa lý thuyết và phác họa được bức tranh về hiệu quả hoạt động của các DNTM trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đề tài cũng đã vận dụng: phương pháp phân tích phương sai để đánh giá xem có sự khác biệt đáng kể nào về hiệu quả hoạt động giữa các loại hình DNTM trên địa bàn thành phố, đồng thời kết hợp phương pháp phân tích tương quan hồi quy bội để xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các DNTM cũng như từng loại hình DNTM trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, đề tài chỉ tiến hành phân tích số liệu trong thời gian tương đối ngắn (năm 2003 – 2004) dẫn đến kết quả chưa phát họa được đầy đủ toàn cảnh hiệu quả hoạt động của các DNTM trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tác giả Nguyễn Thị Như Liên với đề tài nghiên cứu: “Phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty cổ phần dệt Hòa Khánh – Đà Nẵng” - Luận văn thạc sỹ kinh tế - Đại Học Đà Nẵng – Năm 2009. Luận văn đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về phân tích và tổ chức thông tin phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, từ đó tác giả đã mô tả và đánh giá công tác phân tích hiệu quả hoạt động, đồng thời đã hoàn thiện một số nội dung phân tích hiệu quả hoạt động trong Công ty cổ phần Dệt Hòa Khánh – Đà Nẵng như: Xây dựng mô hình lựa chọn phương án huy động vốn và đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động như: nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, trong luận văn này tác giả chỉ đề cập đến thực trạng phân tích và đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn chứ chưa thật sự đi sâu vào hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Do vậy, tác giả Nguyễn Khánh Thu Hằng với đề tài nghiên cứu: “Phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty cổ phần thương mại du lịch đầu tư Cù Lao Chàm” - Luận văn thạc sỹ quản trị kinh doanh - Đại Học Đà Nẵng – Năm 2012. Trong luận văn này, tác giả đã đánh giá và phân tích được thực trạng công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty cổ phần thương mại du lịch đầu tư Cù Lao Chàm, qua đó tác giả đã hoàn thiện được công tác phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty như: hoàn thiện phương pháp phân tích bằng cách kết hợp tổng hòa các phương pháp cũng như hoàn thiện nội dung phân tích qua phương trình DuPont, phân tích hiệu quả huy động vốn bằng kỹ thuật phân tích quan hệ giữa EBIT với EPS, phân tích hiệu quả xã hội qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, đồng thời tác giả còn đưa ra được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động...

Tóm lại có rất nhiều luận văn phân tích hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp và hầu hết các tác giả trong quá trình nghiên cứu đều đưa ra các chỉ tiêu để phân tích hiệu quả hoạt động của từng ngành, từng lĩnh vực. Tuy nhiên, rất ít luận văn tiến hành phân tích tại các công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực du lịch và cũng chưa có đề tài nào thật sự đi sâu vào phân tích đánh giá hoạt động phân tích hiệu quả tại công ty để nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp. Xuất phát từ thực tiễn đó, cùng với định hướng của giảng viên hướng dẫn, tôi quyết định chọn đề tài: “ **Phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty cổ phần du lịch ĐăkLăk**” làm luận văn tốt nghiệp.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

1.1.1. Khái niệm về hiệu quả hoạt động

Hiệu quả được hiểu là các lợi ích kinh tế, xã hội đạt được từ quá trình hoạt động SXKD. Nói cách khác, bản chất của hiệu quả chính là kết quả của lao động xã hội, được xác định bằng cách so sánh lượng kết quả hữu ích cuối cùng thu được với lượng hao phí lao động xã hội. Do vậy, thước đo hiệu quả là sự tiết kiệm hao phí lao động xã hội và tiêu chuẩn của hiệu quả là tối đa hóa kết quả dựa trên các nguồn lực sẵn có.

1.1.2. Khái niệm về phân tích hiệu quả hoạt động

Phân tích hiệu quả của doanh nghiệp là việc đánh giá khả năng đạt được kết quả, khả năng sinh lãi của doanh nghiệp. Bởi vì mục đích cuối cùng của người chủ sở hữu, của nhà quản trị là bảo đảm sự giàu có, sự tăng trưởng tài sản của doanh nghiệp; để thực hiện tốt nhiệm vụ này, doanh nghiệp phải sử dụng và phát triển tiềm năng kinh tế của mình. Nếu không đảm bảo được khả năng sinh lãi thì lợi nhuận tương lai sẽ không chắc chắn, giá trị doanh nghiệp sẽ bị giảm, người chủ có nguy cơ bị mất vốn.

1.2. Ý NGHĨA CỦA PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

1.3. PHÂN LOẠI HIỆU QUẢ

Hiệu quả kinh doanh được tạo thành bởi tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp không chỉ được xem xét một cách tổng hợp mà còn được nghiên cứu trên cơ sở các yếu tố thành phần của nó, đó là hiệu quả cá biệt.

Hiệu quả tài chính là một trong những yếu tố quan trọng hàng

đầu được các nhà đầu tư quan tâm vì nó gắn liền với lợi ích của họ trong hiện tại và tương lai. Một doanh nghiệp có hiệu quả tài chính cao là điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đó tăng trưởng.

1.4. NỘI DUNG CỦA PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

1.4.1. Phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

a. Phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt

a1. Hiệu suất sử dụng tài sản:

- Nếu sử dụng “Giá trị sản xuất” để thể hiện kết quả, ta có chỉ tiêu sau:

$$\text{Hiệu suất sử dụng tài sản} = \frac{\text{Giá trị sản xuất}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

- Nếu ta chọn kết quả đầu ra là doanh thu và thu nhập của những hoạt động khác cũng là chỉ tiêu phản ánh kết quả của doanh nghiệp thì hiệu suất sử dụng tài sản trong trường hợp này được thể hiện:

$$\text{Hiệu suất sử dụng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Nếu chỉ xem xét hiệu suất sử dụng tài sản trong lĩnh vực kinh doanh thuần túy thì chỉ tính doanh thu thuần trong lĩnh vực kinh doanh để thể hiện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hiệu suất sử dụng tài sản trong trường hợp này còn gọi là số vòng quay của tài sản. Nó được xem xét trên mối quan hệ giữa tài sản với doanh thu thuần và được tính như sau:

$$\text{Số vòng quay của tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

a2. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định

Doanh thu thuần SXKD

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần SXKD}}{\text{Nguyên giá TSCĐ bình quân}}$$

a3. Hiệu suất sử dụng vốn lưu động

Doanh thu thuần

$$\text{Số vòng quay b/q của VLĐ (V)} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{VLĐ bình quân}} \quad (\text{vòng})$$

$$\text{Số ngày b/q của một vòng quay VLĐ} = \frac{\text{VLĐ b/q}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 360 \quad (\text{ngày/vòng})$$

Để đơn giản trong tính toán, ta có thể quy ước thời gian tháng là 30 ngày, quý là 90 ngày và năm là 360 ngày. Thông thường, kỳ phân tích là năm và vốn lưu động bình quân của một năm được tính toán như sau:

$$\bar{V} = \frac{V_1 + V_2 + \dots + V_n + \frac{V_{n+1}}{2}}{n}$$

Trong đó:

\bar{V} là vốn lưu động bình quân

V_1, V_2, \dots, V_n là số dư VLĐ vào đầu kỳ thứ 1, thứ 2, ..., thứ n

V_{n+1} là số dư VLĐ vào cuối kỳ thứ n hay đầu kỳ thứ n+1

b. Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp**b1. Phân tích khả năng sinh lời***** Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần**

Lợi nhuận trước thuế

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận/DTT} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng DTT}} * 100\%$$

*** Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần HĐKD**

$$\text{Tỷ suất LN/DTT hoạt động H\text{Đ}KD} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần H\text{Đ}KD}}{\text{Doanh thu thuần từ H\text{Đ}KD}} * 100\%$$

$$\text{Tỷ suất LN g\text{ộp về BH\&CCDV}} = \frac{\text{Lợi nhuận g\text{ộp về BH\&CCDV}}}{\text{Doanh thu thuần từ H\text{Đ}KD}} * 100\%$$

$$\text{Tỷ suất LN H\text{Đ SXKD}} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần SXKD + Khấu hao TSC\text{Đ}}}{\text{Doanh thu thuần từ H\text{Đ}KD}} * 100\%$$

b2. Phân tích khả năng sinh lời của tài sản

**** Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)***

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} * 100\%$$

$$\text{ROA} = \frac{\text{LNTT}}{\text{Doanh thu}} * \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS bình quân}}$$

**** Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE)***

$$\text{RE} = \frac{\text{LNTT + Chi phí lãi vay}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} * 100\%$$

1.4.2. Phân tích hiệu quả tài chính

a. Phân tích khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH bình quân}} * 100\%$$

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính

b1. Hiệu quả kinh doanh

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{Doanh thu}} * \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản}} * \frac{\text{Tài sản}}{\text{VCSH}}$$

b2. Độ lớn đòn bẩy tài chính (ĐBTC)

$$H_{TC} = H_{KD} \times (1 - T) \times (1 + \text{ĐBTC})$$

b3. Khả năng thanh toán lãi vay (TIE)

$$\text{ROE} = \text{RE} \times (1 - 1/\text{TIE}) \times (1 - T) \times (1 + \text{ĐBTC})$$

1.5. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.5.1. Phương pháp chi tiết

1.5.2. Phương pháp so sánh

1.5.3. Phương pháp loại trừ

1.6. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

1.6.1. Nhân tố bên trong doanh nghiệp

- Nhân tố vốn
- Nhân tố con người
- Nhân tố trình độ kỹ thuật công nghệ
- Nhân tố quản trị doanh nghiệp
- Hệ thống trao đổi và xử lý thông tin

1.6.2. Nhân tố bên ngoài doanh nghiệp

- Tự nhiên
- Kinh tế
- Sự phát triển của khoa học kỹ thuật
- Văn hóa - Xã hội
- Chính trị - Pháp luật

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮKLĂK

2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮKLĂK

2.1.1. Giới thiệu chung về công ty cổ phần Du Lịch Đắk Lắk

Tên công ty: Công ty cổ phần du lịch Đắk Lắk

Địa chỉ: 03 – Phan Chu Trinh – TP Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000058 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp ngày 31/03/2005.

Ngày 8/4/2011: Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã giao dịch là DLD.

a. Ngành nghề kinh doanh chính

b. Các đơn vị trực thuộc

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Du Lịch Đắk Lắk

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Du Lịch Đắk Lắk

a. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

b. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, khách sạn, nhà hàng

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Du Lịch Đắk Lắk.

a. Tổ chức bộ máy kế toán

b. Hình thức sổ kế toán

2.1.5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của công ty CP du lịch Đăklăk

a. Kinh doanh dịch vụ khách sạn

b. Kinh doanh dịch vụ khu nghỉ dưỡng

c. Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí

2.2. THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CP DU LỊCH ĐĂKLĂK

- Về tổ chức công tác phân tích: Hiện tại Công ty cổ phần du lịch Đắk Lắk chưa có bộ phận đảm nhận riêng biệt việc phân tích hiệu quả hoạt động, hay nói đúng hơn nội dung này chưa thật sự được chú trọng và thể chế thành những bước đi cụ thể, rõ ràng. Việc phân tích này được bộ phận kế toán tài vụ đảm nhận thông qua việc tính toán các chỉ tiêu dựa trên tình hình hoạt động của Công ty khi kết thúc năm tài chính.

- Về nội dung và các chỉ tiêu phân tích: Hàng năm sau khi kết thúc niên độ kế toán, bộ phận kế toán sẽ thực hiện tính toán và phân tích một số chỉ tiêu để đánh giá tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời thông qua các báo cáo quản trị cũng như báo cáo thường niên, công ty thực hiện tính toán các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch xem có sự tăng lên hay giảm xuống hay không, từ đó đưa ra các giải pháp và định hướng cho niên độ kế toán sau. Tuy nhiên, nội dung phân tích vẫn chỉ là những kết luận khái quát chứ cũng chưa thật sự đi sâu xem xét chi tiết sự biến đổi trên từng chỉ tiêu phân tích cũng như đưa ra các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó như thế nào đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Về phương pháp phân tích: Tại Công ty khi phân tích hiệu quả hoạt động bộ phận kế toán chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh truyền thống dưới dạng phân tích ngang, tức là so sánh giá trị đạt được với giá trị năm trước để biết được tốc độ tăng giảm (cả về số tuyệt đối và số tương đối) của các chỉ tiêu phân tích, cũng như để so sánh với giá trị kế hoạch đã đặt ra để biết được doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch hay không, từ đó đánh giá những mặt đạt được và những mặt còn hạn chế, từ đó đề ra các phương hướng và giải pháp cho năm tới. Phương pháp này có nhược điểm là khi phân tích chỉ giúp doanh

nghiệp dừng lại ở những kết luận khái quát mà thôi, chưa đáp ứng được yêu cầu chi tiết hóa của nội dung phân tích hiệu quả hoạt động.

2.2.2. Tổ chức dữ liệu để phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty

2.2.3. Phân tích hiệu quả kinh doanh tại Công ty cổ phần du lịch Đắk Lắk

a. Phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt

Bảng 2.1. Bảng phân tích hiệu quả sử dụng VLD

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. DTT BHCCDV	50.653.348.760	51.275.900.289	53.151.885.397	59.511.254.969	71.463.936.862
2. VLD bình quán	10.568.760.618	24.048.705.899	36.417.355.758	37.142.687.287	35.335.459.734
3. Số vòng quay VLD (Vòng)	4,79	2,13	1,46	1,60	2,02
4. Số ngày một vòng quay VLD	75	169	247	225	178

(Nguồn: Công ty CP du lịch Đắk Lắk)

Qua bảng phân tích 2.1, cho thấy số vòng quay VLD có sự biến động qua các năm, cụ thể: giai đoạn 2008 – 2010 số vòng quay VLD giảm dần (năm 2008: 4,79 vòng, năm 2009: 2,13 vòng, năm 2010 chỉ còn 1,46 vòng), nhưng đến năm 2011 – 2012 vòng quay VLD lại có xu hướng tăng lên (năm 2011: 1,6 vòng, năm 2012: 2,02 vòng). Có nghĩa là một đồng vốn lưu động đầu tư tại Công ty năm 2008 mang lại 4,79 đồng DTT, con số này giảm xuống 2,13 đồng vào năm 2009 và đặc biệt là năm 2010 giảm mạnh đến mức thấp nhất trong 5 năm chỉ còn 1,46 đồng DTT. Nhưng đến năm 2011 thì một đồng vốn lưu động bỏ ra mang lại 1,6 đồng DTT, và năm 2012 thì con số này là 2,02 đồng doanh thu thuần. Việc tốc độ VLD luân chuyển giảm dần từ năm 2008 đến năm 2010 là dấu hiệu không tốt đối với Công ty, điều đó sẽ kéo

theo việc khả năng chuyển hóa thành tiền của tài sản lưu động là giảm xuống và cuối cùng là dẫn tới hiệu quả hoạt động của Công ty giảm. Tuy nhiên, đến năm 2012 thì tốc độ lưu chuyển VLĐ có xu hướng tăng lên.

b. Phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp

Bảng 2.3: Bảng phân tích hiệu quả kinh doanh tổng hợp

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. DTT BHCCDV	50.653.348.760	51.275.900.289	53.151.885.397	59.511.254.969	71.463.936.862
2. LN thuần từ HĐKD	1.428.079.348	1.635.969.409	3.434.584.931	237.161.350	321.238.428
3. LN TT	1.463.355.772	1.639.582.285	3.573.273.812	143.830.129	3.730.322.378
4. LN ST	1.283.415.552	1.376.001.415	2.704.894.074	143.830.129	2.776.381.275
5. Tổng TS	62.457.549.187	98.455.439.417	118.829.358.460	174.418.225.586	200.962.753.684
6. Tỷ suất LN TT/DTT	2,89	3,20	6,72	0,24	5,22
7. Tỷ suất LN HĐKD/DTT	2,82	3,19	6,46	0,40	0,45
8. Tỷ suất LN ST/DTT	2,53	2,68	5,09	0,24	3,89
9. ROA	2,34	1,67	3,01	0,08	1,99
10. Tỷ suất LN ST/Tổng TS	2,05	1,40	2,28	0,08	1,48

(Nguồn: Công ty CP du lịch Đắk Lắk)

* **Về khả năng sinh lời chung từ các hoạt động:** có sự biến động tăng giảm qua các năm và đặc biệt là tăng mạnh nhất là năm 2010. Nhưng đến năm 2011 thì tỷ suất này giảm mạnh chỉ còn 0,24%, nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu thuần tạo ra 0,24 đồng LN TT. Tuy nhiên, đó không hẳn là dấu hiệu xấu vì năm 2011 mặc dù tổng doanh thu tăng hơn so với những năm trước nhưng vì chi phí thuế đất tăng cao gấp nhiều lần do chính sách thuế đất của Nhà nước thay đổi làm cho LN TT của Công ty giảm mạnh, chính vì vậy làm cho tỷ suất sinh lời của Công ty giảm xuống thấp, đến năm 2012 khả năng sinh lời của Công ty lại tăng lên 5,22%. Nguyên nhân là vì mặc dù tổng LN TT năm 2012 là 51.437.378 đồng, nhưng do LN TT năm 2011 chuyển sang là 3.822.715.129 đồng (do UBND tỉnh đã điều chỉnh tỷ lệ thu tiền thuê đất từ 1,5% xuống 0,5%), làm cho tổng LN TT của công ty năm 2012 tăng lên, dẫn đến tỷ suất này

tăng lên 4,98 lần so với năm 2011.

* **Về khả năng sinh lời tài sản (ROA):** Qua bảng phân tích 2.3, cho thấy khả năng sinh lời tài sản có xu hướng giảm dần qua 5 năm, ngoại trừ năm 2010 thì khả năng sinh lời tài sản tăng cao nhất, nhưng đến năm 2011 khả năng sinh lời tài sản giảm mạnh và thấp nhất trong 5 năm. Cụ thể, nếu trong năm 2008 cứ 100 đồng tài sản đầu tư tại Công ty tạo ra 2,34 đồng LNTT thì sang năm 2009, mức lợi nhuận tạo ra là 1,67 đồng, năm 2010 mức lợi nhuận tạo ra là 3,01 đồng. Nhưng đến năm thì khả năng sinh lời tài sản giảm mạnh chỉ còn 0,08% tức là cứ 100 đồng tài sản đầu tư tại Công ty chỉ tạo ra 0,08 đồng LNTT và đến năm 2012 thì 100 đồng tài sản đầu tư tại Công ty tạo ra 1,99 đồng LNTT. Đây là một dấu hiệu không tốt cho tình hình hoạt động của Công ty.

2.2.4. Phân tích hiệu quả tài chính

Bảng 2.7: Bảng phân tích chỉ số sinh lời trên VCSH

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. VCSH	40.409.956.371	85.722.387.286	96.439.809.160	94.273.631.106	97.051.559.381
2. LNST	1.283.415.552	1.376.001.415	2.704.894.074	143.830.129	2.777.928.275
3. Tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE)	3.18	1.6	2.80	0.15	2,9

(Nguồn: Công ty CP du lịch ĐăkLăk)

Qua bảng 2.7 cho thấy, khả năng sinh lời trên VCSH có sự biến động tăng giảm qua các năm. Nếu trong năm 2008, cứ 100 đồng VCSH tạo ra 3,18 đồng lợi nhuận sau thuế thì đến năm 2009 chỉ còn 1,60 đồng, năm 2010 thì con số này lại tăng lên là 2,8 đồng và giảm mạnh vào năm 2011 chỉ còn là 0,15 đồng, sau đó đến năm 2012 thì con số này lại tăng lên là 2,90 đồng. Tuy nhiên, do Công ty mấy năm đầu sau cổ phần hóa được giảm thuế TNDN, năm 2008

Công ty nộp thuế TNDN với mức thuế suất 28% và được giảm 50% số thuế TNDN, và từ năm 2009 đến năm 2012 mức thuế suất thuế TNDN phải nộp là 25%, theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009. Qua 5 năm thì LNTT của Công ty có xu hướng tăng dần, ngoại trừ năm 2011 do ảnh hưởng của chính sách thu tiền thuế đất tăng cao đột ngột làm cho LNTT của Công ty giảm mạnh, trước tình hình đó công ty đã có văn bản kiến nghị xin được giảm tiền thuê đất, mặt khác tổng LNTT năm 2011 là 143.830.129 đồng, giảm 3.429.443.683 đồng so với năm 2010, tuy nhiên sau khi điều chỉnh tăng giảm thu nhập chịu thuế thì thu nhập chịu thuế của công ty là (9.289.087) đồng nên năm 2011 Công ty không phải nộp thuế TNDN.

Từ kết quả phân tích trên cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, nếu hiệu quả kinh doanh cao thì hiệu quả tài chính cũng tốt hơn. Và phải kể đến hiệu quả tài chính thấp là do chi phí lãi vay cao, hay nói cách khác là do cấu trúc tài chính của Công ty.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮKLẮK

2.3.1. Về tổ chức công tác và dữ liệu phân tích

Như đã nói ở phần trên, việc phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty được tiến hành nhằm mục đích đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động giữa kỳ kinh doanh này với kỳ kinh doanh trước, từ đó đưa ra những kết luận cũng như phương hướng, biện pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh kỳ sau. Tuy nhiên, công việc tổ chức phân tích hiệu quả chưa được tiến hành một cách thường xuyên, mặt khác khi phân tích thì chưa có quy trình cụ thể và cũng chưa có bộ phận riêng biệt để đảm nhận công

việc quan trọng này, thêm vào đó các chỉ tiêu đang được tổng hợp phân tích chưa đủ, rất đơn giản và chủ yếu chỉ là một vài chỉ tiêu thể hiện kết quả của doanh nghiệp và tình hình tài chính, tuy nhiên cũng chưa đầy đủ. Vì thế cũng chưa thể hiện rõ vấn đề hiệu quả của công ty như thế nào. Mặt khác, quy trình tổ chức phân tích hiệu quả hoạt động vẫn tiến hành mang tính đại khái, sơ sài vì công ty vẫn chưa chuẩn hóa được thành một quy trình cụ thể.

2.3.2. Về nội dung và chỉ tiêu phân tích

Hiện tại Công ty đang tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động dựa trên các số liệu được lấy ra từ Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả HĐKD, thông qua việc so sánh, tính toán các chỉ tiêu thể hiện khả năng sinh lời bao gồm: khả năng sinh lời từ hoạt động, khả năng sinh lời từ tài sản và một số chỉ tiêu về cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán của Công ty, từ đó đưa ra các nhận xét, kết luận mang tính khái quát, chứ chưa thật sự đi sâu vào tìm hiểu nguyên nhân tăng giảm của từng chỉ tiêu đó. Bên cạnh đó, hệ thống chỉ tiêu chưa đầy đủ, chỉ tính toán một vài chỉ tiêu cơ bản, tuy nhiên đối với một Công ty giao dịch chứng khoán trên UPCOM thì việc tính toán các chỉ tiêu như trên là chưa đủ, chưa thật sự phản ánh hết tình hình hoạt động của Công ty.

- Nguồn số liệu mà công ty sử dụng để xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động chủ yếu dựa vào số liệu hạch toán kế toán và chỉ sử dụng một vài chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính của Công ty. Cho nên kết quả của quá trình phân tích không thể phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác hiệu quả sử dụng nguồn lực của Công ty. Do đó, để phân tích hiệu quả hoạt động công ty nên sử dụng bổ sung các nguồn thông tin khác nhau như phân tách luồng thông tin bên trong và bên ngoài, kết hợp với thông tin phòng kinh doanh, hệ thống pháp luật, các chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước, của các ngành có

liên quan.... nhằm nâng cao tính hữu ích, chính xác của kết quả phân tích.

2.3.3. Về phương pháp phân tích

Phương pháp được áp dụng tại công ty chủ yếu là tổng hợp một vài chỉ tiêu phân tích tập trung vào các khoản doanh thu, lợi nhuận. Sau đó, đưa ra so sánh nhận xét, lý do về việc tăng giảm của số liệu qua từng năm. Do vậy, cách thức phân tích trên chưa làm rõ vấn đề hiệu quả, đặc biệt là các nhân tố ảnh hưởng. Trong khi đó, bản chất của nội dung phân tích hiệu quả hoạt động là phải chi tiết hóa được các nhân tố tác động để đảm bảo tính chính xác của kết luận phân tích, và với việc sử dụng chủ yếu là phương pháp so sánh kết hợp với phương pháp tỷ lệ thì công ty cũng chưa khai thác hết giá trị sử dụng của những phương pháp phân tích, chính vì vậy các kết luận của quá trình phân tích nói chung và phân tích hiệu quả hoạt động nói riêng chỉ dừng lại ở mức độ khái quát và đặc biệt là chưa chỉ rõ được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến hiệu quả hoạt động của công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮKLẮK

3.1. HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

3.1.1. Phương pháp so sánh

3.1.2. Phương pháp thay thế liên hoàn

3.1.3. Phương pháp phân tích tương quan

3.2. HOÀN THIỆN NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

3.2.1. Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh

a. Đối với chỉ tiêu hiệu suất sử dụng TS và chỉ tiêu hiệu suất TSCĐ

Bảng 2.8: Bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1.DTT BHCCDV	50.653.348.760	51.275.900.289	53.151.885.397	59.511.254.969	71.463.936.862
2. DT tài chính	506.683.473	1.040.700.372	1.682.939.718	2.146.763.064	465.313.535
3. TN khác	36.869.059	196.578.238	179.609.557	194.727.584	3.944.837.443
4. TỔNG DTT	51.196.901.292	52.513.178.899	55.014.434.672	61.852.745.617	75.874.087.840
5. Tổng TSBQ	67.539.549.187	80.456.494.302	108.642.398.939	146.623.792.023	187.690.489.635
6. Hiệu suất sử dụng TS	0,76	0,65	0,51	0,42	0,40

Qua bảng trên ta thấy rằng hiệu suất sử dụng tài sản có sự biến động giảm dần qua các năm. Nguyên nhân là vì trong giai đoạn 2008 – 2011, một mặt trong giai đoạn này công ty chịu ảnh hưởng mạnh bởi những biến động, khủng hoảng của nền kinh tế trong và ngoài nước. Đồng thời, sức ép từ việc quản lý và điều tiết vĩ mô để đưa nền kinh tế đất nước thoát khỏi khủng hoảng trong một thời gian dài đã phần nào làm suy giảm nhu cầu về tiêu dùng của dân chúng, trong đó có nhu cầu về du lịch, do đó làm suy giảm doanh thu của ngành

nói chung và Công ty nói riêng, mặt khác cơ sở vật chất của các khách sạn trong giai đoạn này cũng đang dần xuống cấp nên luôn bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp cùng ngành. Một nhân tố quan trọng khác là nguồn DT quan trọng từ kinh doanh Khách sạn Thắng Lợi giảm mạnh do Công ty đã thực hiện tháo dỡ khách sạn Thắng Lợi để xây dựng mới khách sạn Sài Gòn – Ban Mê vào đầu tháng 04 năm 2008. Nhưng đến năm 2012, hiệu suất sử dụng tài sản lại tăng lên 0,79, đây là thời điểm Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê được hoàn thành và bắt đầu đưa vào hoạt động cho nên doanh thu thuần của công ty cũng tăng lên, tuy nhiên lượng khách đến ăn ngủ còn ít do ngưng hoạt động một thời gian dài. Mặt khác năng lực - tay nghề của bếp trưởng, đội ngũ nhân viên bếp còn quá kém so với yêu cầu đặt ra theo tiêu chuẩn của khách sạn 4 sao. Do vậy, mặc dù DTT của Công ty trong giai đoạn 2008 – 2012 có sự tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng của DTT vẫn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng về đầu tư tài sản, hiệu quả sử dụng tổng tài sản giảm dần qua 5 năm.

Tuy nhiên, để xem xét hiệu quả cá biệt một cách đầy đủ và chính xác hơn ta cần xem xét đến chỉ tiêu hiệu suất sử dụng tài sản cố định và hiệu suất sử dụng vốn lưu động.

b. Đối với chỉ tiêu hiệu suất sử dụng VLD:

Công ty khi phân tích chỉ tiêu này cũng còn tồn tại một số hạn chế, mới chỉ nêu được cách tính toán và nhận xét khái quát thông qua các số liệu tính toán đó, chứ chưa thật sự đi sâu phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu hiệu suất sử dụng VLD.

Bảng 2.10: Bảng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ lưu chuyển VLĐ

Chỉ tiêu	2009/2008	2010/2009	2011/2010	2012/2011
1. Nhân tố DTT SXKD	0,06	0,08	0,17	0,32
2. Nhân tố VLĐ b/q	-2,72	-0,75	-0,03	0,10
3. Tổng hợp	-2,66	-0,67	+ 0,14	+ 0,42
4. VLĐ tiết kiệm (-) lãng phí (+)	+ 13.350.050.649	+ 11.488.801.551	- 3.631.831.389	-9.267.240.386

Để phân tích rõ hơn các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ lưu chuyển VLĐ ta dùng phương pháp thay thế liên hoàn, minh họa cụ thể qua hai năm 2012 và 2011 như sau:

Đối tượng phân tích: $2,02 - 1,60 = +0,42$

Ảnh hưởng của nhân tố DTT SXKD:

$$\frac{71.463.936.862}{37.142.687.287} - \frac{59.511.254.969}{37.142.687.287} = 0,32$$

Ảnh hưởng của nhân tố VLĐ bình quân:

$$\frac{71.463.936.862}{35.335.459.734} - \frac{71.463.936.862}{37.142.687.287} = 0,10$$

23

Tổng hợp ảnh hưởng các nhân tố: $0,32 + 0,10 = 0,42$

Số VLĐ lãng phí:

$$\frac{71.463.936.862 * (178 - 225)}{360} = - 9.267.240.386$$

3.2.2. Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả tài chính

3.2.3. Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả qua phương trình DuPont

3.3. HOÀN THIỆN TỔ CHỨC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY

3.3.1. Lập kế hoạch phân tích

3.3.2. Tiến hành phân tích

3.3.3. Hoàn thành phân tích

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng phát triển và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ thì đòi hỏi các Công ty muốn tồn tại và phát triển thì hoạt động kinh doanh phải có hiệu quả. Qua nghiên cứu lý luận về phân tích hiệu quả hoạt động và tìm hiểu thực trạng phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty cổ phần du lịch Đắk Lắk, tác giả đã hoàn thành luận văn cao học với đề tài: ***“Phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty cổ phần du lịch Đắk Lắk”***. Với sự nỗ lực của bản thân trong nghiên cứu những vấn đề lý luận cũng như đi sâu tìm hiểu thực tế, cùng với sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn **GS.TS. Trương Bá Thanh**, luận văn cơ bản đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, trình bày những vấn đề cơ bản về phân tích hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp.

Thứ hai, đánh giá được thực trạng phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk giai đoạn 2008 – 2012.

Thứ ba, thông qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu lý luận về phân tích hiệu quả hoạt động và thực tiễn phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty cổ phần du lịch Đắk Lắk, luận văn đã đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty Cổ phần du lịch Đắk Lắk.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế, cộng với việc tìm hiểu về tình hình hoạt động và tài chính của công ty trong thời gian ngắn nên những đánh giá và đề xuất hoàn thiện về nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động của công ty khó tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mới chỉ đưa ra được một số nhận xét, đánh giá về thực trạng phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty và từ đó đưa ra một số đề

xuất nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động tại Công ty. Tuy nhiên, với nội dung đã thực hiện trong luận văn, tác giả hy vọng sẽ phần nào giúp ích cho công ty có thể thực hiện tốt hơn nội dung phân tích hiệu quả hoạt động tại công ty nhằm giúp nhà quản lý và các đối tượng quan tâm đến công ty có được những thông tin thật sự hữu ích, kịp thời để từ đó đưa ra được những quyết định đúng đắn, phù hợp nhất.

